

SINH KẾ CỦA NGƯỜI PÀ THẺN Ở HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

TRẦN HỒNG HẠNH

Giới thiệu

Pà Thẻn là tộc người thuộc ngôn ngữ Hmông-Dao, cư trú tương đối tập trung tại ba huyện Bắc Quang, Quang Bình (Hà Giang), Chiêm Hoá (Tuyên Quang). Họ thường xuyên giao lưu với các tộc người Tày, Hmông, Dao, Kinh... do đó, ngày càng có ảnh hưởng qua lại với các nền văn hóa, trong đó có văn hóa mư sinh, của các cộng đồng tộc người ở đây.

Từ đầu thế kỷ XX đến nay đã có không ít công trình nghiên cứu về người Pà Thẻn ở Việt Nam. Chẳng hạn như: *Monographie des Pateng et des Na-e* của A. Bonifacy (1908); *Pà-Tẻn và mối quan hệ Mèo-Dao ở Việt Nam* của Phan Hữu Dật (1973); *Trang phục phụ nữ Pà Thẻn* của Nguyễn Khắc Tụng (1974); *Dân tộc Pà Thẻn sau định canh định cư* của Trần Mạnh Cát (1975); “Dân tộc Pà Thẻn” trong *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)* của Viện Dân tộc học (1978); “Dân tộc Pà Thẻn” trong *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam* của Không Diễn (1995)... Gần đây có chuyên khảo *Văn hoá truyền thống dân tộc Pà Thẻn* (2004) do Nông Quốc Tuấn làm chủ biên; *Văn hoá phong tục người Pà Thẻn - Bảo tồn và phát huy* (2006) do Ninh Văn Hiệp làm chủ biên. Các công trình này đã đề cập hầu hết khía cạnh cuộc sống của người Pà Thẻn, song vẫn còn khái quát, chưa có nghiên cứu sâu về sự biến đổi sinh kế của đồng bào từ sau Đổi

mới. Bài viết này tập trung vào đặc điểm và những biến đổi trong sinh kế của người Pà Thẻn ở huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

1. Khái quát chung về người Pà Thẻn ở Việt Nam và tỉnh Hà Giang

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam ngày 1/4/2009, tộc người Pà Thẻn ở nước ta có 6.811 người, cư trú ở hai tỉnh Hà Giang (5.771 người), Tuyên Quang (877 người). So với các cuộc Tổng điều tra dân số trước đó, dân số Pà Thẻn ngày càng đông: tăng từ 1.476 người (năm 1976) thành 2.181 người (năm 1979), 3.680 người (năm 1989) và 5.569 người (năm 1999) (Ninh Văn Hiệp và cộng sự, 2006, tr. 10-11). Như vậy, nơi người Pà Thẻn cư trú đông đảo là tỉnh Hà Giang. Tuy vậy, họ chỉ tập trung ở huyện Quang Bình, mới được thành lập vào tháng 12/2003 theo Nghị định số 146/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ. Dựa vào kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam ngày 1/4/2009, huyện này có tới 4.632 người Pà Thẻn và phân bố ở các xã: Tân Bắc - 1.882 người; Tân Trịnh - 1.281 người; Yên Thành - 754 người; Yên Bình - 407 người; Xuân Minh - 174 người; Tân Nam - 126 người...

Địa bàn sinh sống hiện nay của người Pà Thẻn thuộc đồi núi đất, nhiều chỗ là khu vực thung lũng có sông suối chảy qua như sông Lô, sông Chảy, sông Bạc... Những nơi này hầu như không quá hiểm trở, ít núi cao và ít bị chia cắt mạnh. Độ cao trung bình ở

đây chỉ từ 400 đến 1.000m so với mặt biển, chủ yếu từ 400 đến 600m. Bởi vậy, khí hậu nhiệt đới gió mùa bao phủ quanh năm, với lượng mưa trung bình/năm từ 2.400mm đến 2.800mm. Hàng năm, mưa to nước lũ hay diễn ra vào các tháng 6 và 7, mùa khô thường vào tháng 11 và 12. Nhiệt độ trung bình trong năm khoảng từ 21⁰C đến 25⁰C. Với điều kiện tự nhiên như vậy, vùng này trước đây rất phong phú và đa dạng về động thực vật, nhất là rừng nhiệt đới. Tuy nhiên, từ cuối những năm 70 thế kỷ XX, khi có sự di cư ồ ạt bởi chiến tranh biên giới Việt - Trung, rừng và đất đai nơi đây bị khai phá dần và đến nay hầu như đã cạn kiệt, làm cho động thực vật hoang dã cũng hiếm dần. Chỉ một số nơi ở cũ trước kia của đồng bào Pà Thên còn rừng tre, gỗ tái sinh và nhiều sản vật khác nên trong những ngày nông nhàn, họ vẫn thường đến đó để tìm kiếm măng, nấm, rau rừng, thuốc chữa bệnh và nhiều loại lâm thổ sản.

Nhìn chung, điều kiện tự nhiên ở các địa bàn của người Pà Thên rất thuận lợi cho phát triển nông - lâm nghiệp, chăn nuôi, kể cả thủy sản. Do nằm ở cửa ngõ của tỉnh, thuận tiện giao thông nên nơi đây còn có tiềm năng phát triển công nghiệp khai thác, chế biến nông - lâm sản, khoáng sản. Với sự đa dạng văn hoá các dân tộc, nơi này còn là tiềm năng du lịch văn hoá tộc người - sinh thái, xây dựng trung tâm kinh tế xuất nhập khẩu của tỉnh.

2. Các hoạt động sinh kế của người Pà Thên

2.1. Trồng trọt

- *Nương rẫy (kẹ tơ)*: Trước khi hạ sơn định cư, người Pà Thên chủ yếu canh tác nương rẫy theo chu trình là: chọn nương ->

phát và đốt nương -> phân loại đất để trồng cây phù hợp với từng loại đất nhằm cho hiệu quả cao -> trồng cây -> chăm sóc cây -> thu hoạch.

Cũng như nhiều dân tộc, hệ thống cây trồng trên nương của người Pà Thên khá phong phú, gồm các loại cây lương thực (*cum bơ*), rau, cây ăn quả, gia vị... Đáng chú ý là, trên một mảnh nương, người ta thường trồng nhiều loại cây lương thực, bố trí theo nguyên tắc: loại cây nào trồng trước thì trồng ở vòng ngoài và thu hoạch trước; cây nào trồng sau - trồng ở phía trong và thu hoạch sau. Theo đó, vụ thu hoạch các loại cây trồng được lần lượt như: cây *co pẹ* (mùa vụ khoảng 15/4 - tháng 7) -> cây vừng (tháng 4 - tháng 9) -> cây *co lương* (15/4 - tháng 8) -> đậu -> lúa (khoảng 15/4 - đầu tháng 10). Theo đồng bào, các cây trồng phía ngoài tạo nên một vành đai bảo vệ cây lúa khỏi sự phá hoại của muông thú.

Trên nương, người Pà Thên trồng các cây lương thực: lúa nương (*bơ tơ*), ngô (*a pố*), mì, *co pẹ*, *co lương*, vừng (*lư*), sắn (*đê pa*) và khoai sọ (*a vớ*). Trong đó, có loại gồm nhiều giống, như lúa nương (*bơ tơ*) có: lúa tẻ, lúa nếp, lúa địa phương, lúa mới. Trước năm 1993, họ trồng 9 loại giống lúa địa phương, gồm cả nếp lẫn tẻ. Hiện nay, chỉ khoảng 3 - 4 hộ/làng còn trồng lúa địa phương, với năng suất 2,5 tạ/sào. Ngô cũng nhiều loại, giống địa phương có ngô răng ngựa (*a pố tơ*), ngô trắng (*a pố quơ*), nếp và tẻ; giống mới gồm Biôxít (2 - 3 loại), DT 88. Trước năm 1995, ngô chủ yếu trồng trên nương, sau năm 1995 người dân đem trồng ở các khu ruộng cạn và đất bãi ven sông. Các cây lương thực khác độn với com trước đây gồm *co pẹ*, *co lương*, sắn và khoai sọ với nhiều loại giống. Hiện nay do

ruộng nước đã cơ bản đáp ứng nhu cầu về lương thực nên ngô, sắn được trồng chỉ để nấu rượu và chăn nuôi. Cây *co pẹ* và *co lương* trở nên hiếm, thậm chí không được trồng ở nhiều thôn.

Người Pà Thên còn trồng nhiều loại rau: rau cải (*vi pò*), bí (*pì chung qua*) (2 vụ/năm), bầu (*pì tông bô*), mướp (*pì ca la*), mướp đắng (*pì di*), gấc (*pì u chi*) và các loại đậu (*từ*)... Những cây này được trồng cả trên nương, vườn nhà, đất bãi ven sông. Nhiều loại rau hiện đã trở thành hàng hóa, được bày bán tại chợ xã, trong thôn. Đặc biệt, một số loại rau còn dùng làm vật dụng trong gia đình (quả bầu già để đựng nước đi nương, làm gáo múc nước; xơ mướp già làm nùi rửa bát, để bịt kín viền nồi chõ xôi), làm thuốc (rau cải, mướp đắng)...

Cây ăn quả được trồng trên nương cũng nhiều thứ: quýt (*pì lúa cơ*), ổi (*pì con chô*), chuối (*pì cho*), mít (*pê lộ cô pa*), đu đủ (*pê qua pa*), bưởi (*pì lơ po*), mía (*kị*), các loại dưa gồm dưa gang (*pị qua*), dưa hấu (*pì xính ơ*)... Ngoài cung cấp quả ăn, nhiều loại sản phẩm còn làm thuốc (đu đủ), men rượu (mít). Đặc biệt, gần đây nhiều loại quả và cây (quýt, chuối, mít, đu đủ, bưởi và mía) đã trở thành hàng hóa. Tuy nhiên, giá thành một số loại quả chưa ổn định, khiến nhiều hộ có năm bị thất thu, không muốn đầu tư tiếp.

Trên nương, người Pà Thên còn trồng nhiều cây gia vị: húng chó (*vi biều*), hành (*xóng*), tỏi (*pì xay*), gừng (*nghi*), nghệ (*xay cho*), gừng (*kha*), ớt (*cạ bê*), rau dăm (*ca bê chót đơ*), *chụng che*, sả (*ca nông chót đơ*), củ kiệu (*chong thơ*), mùi tàu (*vi bò dị*), tía tô (*vi de*), kinh giới. Hầu hết các loại cây gia vị đều đa công dụng, phổ biến là chức

năng gia vị, gia giảm cho một số món ăn và làm thuốc chữa bệnh.

- *Ruộng nước (liêng)*: Do đến định cư muộn nên ban đầu ruộng của người Pà Thên ít hơn so với người Tày, nhưng họ đã mở rộng từ khai hoang đất ở vùng thấp và mua lại ruộng 1 vụ/năm của một số hộ Tày. Nhờ đó, từ năm 1993, người Pà Thên có khá nhiều ruộng nước, nên hầu như họ không trồng lúa trên nương rẫy nữa. Đây là điều kiện làm cho nhiều người dân có đủ lương thực, tuy chủ yếu trồng cây lúa nước và các loại cây ăn quả cho thu nhập cao.

Giống lúa ruộng (*bô liêng*) của người Pà Thên gồm: nếp, tẻ, giống cổ truyền, giống mới. Đối với lúa tẻ, họ trồng một số giống địa phương ở ruộng, có giống vừa gieo trên nương lẫn dưới ruộng. Hiện nay, các giống lúa tẻ mới (Bao Thai, San Yêu, H3-3, Tám Thom, Bắc Thom) chiếm lĩnh hầu khắp các cánh đồng, bởi chúng cho năng suất cao hơn các giống địa phương. Giống lúa địa phương thơm ngon và dẻo, song, do năng suất thấp nên có nguy cơ mai một và được thay thế bởi các giống mới. Thực tế là từ khi trồng giống lúa mới, số hộ đói ngày càng giảm, nhiều hộ không những đủ gạo ăn mà còn dư thừa để bán. Đây cũng là một nét đổi mới rõ rệt trong đời sống của người Pà Thên, ở chỗ hầu hết các hộ thiếu lương thực và phải ăn cơm độn với *co pẹ*, *co lương*... giờ đây, thóc lúa đã đôi chút dư thừa và được họ đem bán. Nhờ vậy, mức sống của họ từng bước được nâng lên và cải thiện về nhiều mặt.

Để có nước tưới cho các cánh đồng, người Pà Thên dùng hệ thống thủy lợi cổ truyền và hiện đại. Thủy lợi cổ truyền vẫn rất tác dụng ở nơi ruộng manh mún. Từ năm 2000, hệ thống mương hiện đại được xây

dụng, đưa vào sử dụng tại các xã ở Quang Bình, dựa trên nguyên tắc “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*”. Song, hệ thống này hiện vẫn chưa cung ứng đủ nước cho các cánh đồng của người Pà Thên, bởi chúng chỉ dẫn nước, chưa tích trữ nước. Do đó, nơi đủ nước thì dân cấy lúa hai vụ/năm, gồm vụ chiêm và vụ mùa; nơi thiếu nước chỉ cấy một vụ lúa mùa khi có mưa. Khoảng 50% diện tích lúa chiêm thiếu nước được người dân dùng để trồng ngô, lạc hay loại cây ngắn ngày khác chịu được hạn.

- *Vườn (a hế)*: Vườn của người Pà Thên ở huyện Quang Bình thường bố trí quanh nhà và rất đa dạng cây trồng. Có hai loại là vườn chuyên canh và vườn tạp, trong đó vườn tạp phổ biến nhất với nhiều loại cây, từ cây lương thực đến các loại rau, gia vị, cây ăn quả. Ngoài các giống cây địa phương, người Pà Thên nơi đây cũng trồng nhiều loại giống mới như cam, quýt, mơ, mận tam hoa, cà phê, hồng, nhãn, vải, xoài... Đáng chú ý là sự phổ biến và nhân rộng các loại cây ăn quả giống mới cho năng suất cao đều có sự hỗ trợ thiết thực (về vốn, giống và kỹ thuật) từ phía chính quyền địa phương, nhất là bộ phận khuyến nông cơ sở.

Nhìn chung, từ 1988 đến 1994, người Pà Thên có một nguồn thu đáng kể từ việc trồng các loại cây ăn quả, nhiều hộ đã đủ tiền mua phân bón, giống lúa mới... Cá biệt, trong thời gian từ 1999 đến 2000, một vài hộ có thu nhập hàng chục triệu từ việc bán các sản phẩm này. Còn hiện nay, do giá trị kinh tế của một số cây ăn quả (mận tam hoa, cà phê, cam...) không cao nên nhiều hộ Pà Thên đã dừng đầu tư cho những cây đó. Có một số loại sản phẩm cho giá trị kinh tế cao và ổn định về giá thành như vải, xoài... nhưng năng suất thấp do không phù hợp với

điều kiện của địa phương nên cũng không được người dân coi trọng như trước đây.

- *Đất bãi bồi ven sông (a pính tơ)*: Một số thôn bản Pà Thên ở Quang Bình nằm dọc triền sông Bạc nên đồng bào cũng đã mở rộng canh tác trên các đất bãi ven sông. Trồng cây trên những mảnh đất bãi này, người dân có thể tiết kiệm được công sức chăm sóc bởi sự màu mỡ sẵn có của đất. Gần đây, người Pà Thên còn trồng thử một số giống cây mới từ nhiều nguồn và quá trình du nhập khác nhau, nhưng chủ yếu phụ thuộc vào từng hộ gia đình và từng loại cây. Người có họ hàng, bạn bè ở nơi khác được giới thiệu những cây trồng mới và chính họ là người đầu tiên trồng thí điểm. Cũng có giống cây mới du nhập vào cộng đồng Pà Thên qua các công ty tư nhân tại địa bàn, chẳng hạn như măng Bát độ và cây bột được công ty Vạn Đạt đưa đến từ năm 2004. Khác với nguồn thu ngày càng giảm từ bán măng Bát độ có chất lượng kém bởi lây lan của nấm mốc, nguồn thu từ bán cây bột lại tăng và có nhiều triển vọng do không chỉ cung cấp cho thị trường trong nước, mà còn bán cho thị trường nước ngoài (Trung Quốc).

Gần đây, do chăn nuôi trâu, bò phát triển nên kéo theo nhu cầu ngày càng tăng về cỏ cho chăn nuôi, buộc người Pà Thên trồng cỏ voi và cỏ lạc (*vi cỏ*) ở các khu vực đất bãi và cho kết quả tốt. Ngoài ra, đất bãi này còn là nơi lý tưởng để trồng các loại rau ngoại lai: rau đay, su hào, bắp cải. Tuy vậy, do mất cấp diễn ra khá phổ biến nên người dân có xu hướng chỉ trồng các loại rau này ở gần nhà để vừa tiện chăm sóc, thu hái vừa đề phòng trộm.

- *Trồng rừng*: Người Pà Thên mới được giao đất rừng từ năm 2000 với mức 2 - 3ha/hộ, và đã có sẵn một số loại cây tự

nhiên: vầu, nứa và nhiều cây khác. Tuy vậy, họ vẫn trồng thêm loại cây khác để vừa trồng lại rừng, vừa tăng thu nhập như: nứa để cung cấp nguyên liệu cho nhà máy giấy Bãi Bằng, chè San Tuyết để kinh doanh và keo theo Chương trình 661. Trong đó, ngoại trừ cây nứa hiện không được nhà máy giấy Bãi Bằng thu mua, hai loại cây còn lại đang phát triển tốt và có triển vọng cho thu nhập cao. Nhìn chung, việc trồng cây trên các khu đất rừng đã được chia khiến cho thu nhập của người dân được cải thiện, đồng thời, việc đó còn giúp cho rừng được phục hồi, góp phần bảo vệ nguồn sống và môi sinh.

Như vậy, người Pà Thên có nhiều loại cây trồng, gồm các giống địa phương và ngoại lai. Nhiều giống lai đã rất quan trọng và đảm bảo lương thực, tạo thêm nguồn thu nhập mới. Để người Pà Thên có được những giống mới không thể không kể đến vai trò của chính quyền địa phương, nhất là cán bộ khuyến nông. Tuy nhiên, các chính sách trợ giá, khuyến khích phát triển một số cây có giá trị kinh tế là đáng ghi nhận, bởi đem lại cho người dân một cuộc sống khá ổn định. Song, do chưa nghiên cứu kỹ các điều kiện ở địa phương và thiếu đồng bộ trong hướng dẫn các kỹ năng chăm sóc, phát triển loại cây mới cho người dân nên đã dẫn tới hiện tượng khủng hoảng về cây trồng trong một thời gian: phá cây nọ, trồng cây kia hoặc có đất nhưng không biết trồng cây gì cho hiệu quả cao. Để khắc phục điều này, cần có sự kết hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa cung - cầu, đầu vào - đầu ra.

2.2. Chăn nuôi

- *Sự đa dạng vật nuôi*: So với trồng trọt, chăn nuôi cũng là nguồn thu nhập lớn của người Pà Thên. Lợn, gia cầm được nuôi phổ biến, hộ nuôi ít thì vài con lợn, nhiều là

12 - 15 con. Họ nuôi cả giống lợn địa phương và giống lai. Giống bản địa chậm lớn, ít nạc nhưng thịt thơm và ngọt. Với ưu thế nhiều nạc và nhanh lớn, lợn lai mới được người Pà Thên nuôi chưa lâu. Song, người Pà Thên hiện nay vẫn ưa nuôi loại lợn địa phương vì thịt thơm ngon, cho giá trị kinh tế cao (25.000đ/kg hơi so với 19.000đ/kg lợn lai ở thời điểm 2006). Gà cũng được nuôi nhiều nhưng do dịch nên hiệu quả chưa cao. Trước 2005, họ chỉ nuôi gà địa phương cho thịt thơm ngon, về sau nhiều hộ nuôi thêm gà lai nhưng không thành công do khí hậu ở đây không phù hợp nên hầu hết chỉ nuôi giống gà của họ.

Trâu, bò đóng vai trò đặc biệt trong sản xuất và đời sống của người Pà Thên. Hiện nay, trung bình mỗi hộ nuôi 3 con trâu, có hộ nuôi trên 10 con vừa để kéo cày bừa vừa cho thuê sức kéo. So với trâu, bò mới được nuôi do vay vốn từ ngân hàng chính sách với mức 5 - 10 triệu đồng/hộ. Để có số tiền này, các khối đoàn thể xã đã phải làm tín chấp để vay cho các hộ có nhu cầu. Rút kinh nghiệm từ việc sử dụng không hiệu quả vốn vay của người dân trong thời gian 1997 - 1998 do sử dụng sai mục đích, các khối này phải nắm rõ hoàn cảnh và cung cách làm ăn của từng hộ, và phải làm các thủ tục với ngân hàng trước khi được nhận tiền. Còn các hộ vay chỉ được nhận tiền vay dưới dạng vật nuôi là bò. Với cách này, hầu hết các hộ đã sử dụng vốn vay có hiệu quả hơn và nhờ vậy, đời sống của họ cũng được cải thiện.

- *Các hình thức chăn nuôi và chăm sóc đàn vật nuôi*: Trước kia, người Pà Thên thả rông gia súc, gia cầm. Gần đây, nuôi nhốt chuồng đã phổ biến, do cư trú ở vùng thấp và nạn trộm cắp nên họ phải chuyển các con vật nuôi từ rừng về nhà chăm sóc. Tuy vậy,

ở một số vật nuôi hoặc sau thu hoạch, họ vẫn thả rông trên rừng. Riêng lợn, khi mới nuôi, họ làm chuồng tạm cho chúng. Sau 1 - 2 vụ nuôi thành công, họ mới xây chuồng và nuôi đàn lợn ở đó lâu dài. Với gà, ngày được thả rông và cho ăn 2 bữa, thậm chí chỉ cho ăn bữa sáng, tối thì nhốt chuồng. Còn trâu thì thả ở nương sau khi đã thu hoạch hoặc ở rừng tái sinh gần nhà để tiện theo dõi. Trong khi đó, bò lại nuôi trong chuồng gần nhà, bởi nó là giống mới nên cần chăm sóc cẩn thận.

Hầu hết các hộ Pà Thên đều nuôi cá ở ao gần nhà với các loại trôi, trắm, chép, mè, rô phi... Họ cũng nuôi cá ở ruộng, phổ biến từ năm 2005 và thu được kết quả tốt. Đàn cá nuôi ở ruộng tuy không to (khoảng 0,2 - 0,35kg/con) nhưng ít bị bệnh, cho thu nhanh (chỉ khoảng 2 tháng), do vậy, đã góp phần cải thiện bữa ăn hàng ngày cho người dân. Ngoài ra, một số hộ Pà Thên còn nuôi ong trong thùng gỗ hoặc khúc gỗ lớn rỗng ruột. Tại những thôn Pà Thên được khảo sát, mỗi thôn có khoảng 5 - 6 nhà chuyên nuôi ong lấy mật đem bán.

- *Sử dụng các sản phẩm chăn nuôi:*
Hầu hết các con vật nuôi chủ yếu phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của gia đình, làm thực phẩm trong dịp cưới, làm/sữa nhà, có khách... Với những sản phẩm chăn nuôi có giá trị cao (trâu, bò), chỉ khi cần khoản tiền lớn cho những việc hệ trọng, người Pà Thên mới bán chúng. Đàn ông đảm nhận việc bán trâu, bò, lợn; phụ nữ chỉ bán các loại gia cầm. Cả hai trường hợp, khoảng 70% đàn ông và 30% đàn bà quản lý số tiền bán những sản phẩm này, nguyên nhân do đàn ông có khả năng bao quát công việc và biết chi tiền hơn, phụ nữ ít tiếp xúc bên ngoài nên không dám tiêu tiền cho những việc lớn.

2.3. Một số nghề thủ công gia đình

- *Đan lát:* Từ lâu đời, người Pà Thên có kinh nghiệm đan các dụng cụ sinh hoạt và đánh bắt cá từ nhiều loại nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương. So với đàn ông, hầu hết phụ nữ đều sớm biết đan các sản phẩm bằng mây tre. Tuy nhiên, những người đàn ông cũng giúp vợ con trong việc này, bởi họ cũng là những người thợ đan lát khá thành thục. Các sản phẩm như sọt, mẹt, rổ rá, cọt, đồ đựng... là những loại dễ đan mà hầu như những người trưởng thành, thậm chí nhiều đứa trẻ, cũng biết làm. Tuy vậy, phụ nữ vẫn đóng vai trò chính.

Với một số sản phẩm như chiếu rom, địu, chài và lưới, sự phân công lao động theo giới và lứa tuổi thể hiện rõ nét hơn. Đan chiếu rom là công việc mà mọi đứa trẻ, bất kể trai gái đều biết làm thành thục. Trong khi, đan chài lưới (*đạ sạ a mò di*), làm vỏ xúc cá, tôm (*a mò xóm biêu*) chỉ dành cho đàn ông. Đan địu (*đà su*) thường do phụ nữ đảm nhiệm.

- *Chế tạo nông cụ:* Hầu hết các nông cụ thô sơ mà người Pà Thên hiện đang sử dụng đều do chính họ tự chế tác và thường tốt hơn những công cụ mua ở chợ. Họ tự làm thân cày và bừa nên chỉ việc mua lưỡi cày ở chợ rồi đóng phần khung là có thể sử dụng được. Cũng phải kể đến nghề rèn (*nông hơ*), do người Pà Thên tự rèn các loại dao, cuốc, súng kíp... Trước kia, nguyên liệu rèn là thép mua từ người Pháp, nay là díp ô tô hỏng mua ở chợ. Họ tự làm được dao to (*nông to*), dao phay (*nông ni*), dao nhọn (*nông tòn to*). Các loại dao này hiện sẵn có ở chợ, chỉ những người rèn giỏi mới tự làm cho mình những con dao tốt. Tương tự như vậy, hiện tại chỉ những người có kinh nghiệm mới tự rèn cuốc, xà beng, răng bừa cho gia đình mình. Những người khác phải mua chúng ở chợ tuy giá rẻ hơn nhưng không bền.

- *Làm mộc*: Việc đóng bàn ghế, khung dệt (*tân đa ý pờ*)... đều do nam giới đảm nhiệm, bởi họ có sức khoẻ vào rừng lấy gỗ. Tuy vậy, ở người Pà Thên, đàn ông dưới 36 tuổi lại kiêng đóng khung cửi, vì sợ vợ của họ sẽ sinh toàn con gái. Người Pà Thên hiện nay vẫn thích uống rượu do chính họ chế xuất, nên họ tự làm những chiếc khay gỗ chuyên nấu rượu (*a choong chự*) để mong có được những mẻ rượu thơm ngon hơn loại rượu mua ở chợ.

Các sản phẩm thủ công của người Pà Thên trước kia chỉ phục vụ gia đình. Hiện nay, nhiều hộ đã có thêm nguồn thu tiền mặt từ việc bán sản phẩm thủ công, nhất là thổ cẩm cho những người trong vùng và khách du lịch nước ngoài. Từ năm 2003, đã có cán bộ bảo tàng đến thu mua trang phục Pà Thên để trưng bày, giới thiệu văn hoá tộc người cho khách tham quan, góp phần khuyến khích người dân Pà Thên tự giữ gìn nghề dệt cổ truyền của họ.

2.4. Kinh tế chiếm đoạt tự nhiên

- *Săn bắt (nhị inh ghè)*: Trước kia ở vùng Pà Thên rất nhiều chim, thú, chuột... Hiện nay, họ bị cấm săn bắt sơn dương, khỉ, lợn rừng, cáo, cày hương, cày hôi, sóc, ếch đá, hoẵng, gấu. thỉnh thoảng họ chỉ bắt được chuột rừng, chim, ong với số lượng ít. Hiệu quả săn bắt giảm sút, do hiểm thú và bị tác động của lệnh cấm săn bắn. Do vậy, họ cũng ít tổ chức những cuộc săn tập thể, chỉ săn nhỏ lẻ khi thấy thú về phá hoại hoa màu tại nơi họ sinh sống.

Họ thường săn vào lúc nông nhàn khi thời tiết khô, trong rừng ít muỗi và vắt. Khi đó, đàn ông vào rừng săn bắn, đàn bà đi hái sản vật rừng hoặc ở nhà dệt vải. Trước kia, khi thú còn nhiều, vào mùa săn, nhiều hộ lúc nào cũng có thịt để ăn, thậm chí có thịt liên tục vài tháng. Ngoài ra, người Pà Thên cũng

thao phân loại chim và cách đánh bắt chúng. Theo họ, chim rất đa dạng, gồm *tầm tình nghè* (một loại chim mỏ dài, nặng khoảng 0,5kg), *tầng gờ ho* (giống bồ câu, chân trắng, lông xanh lá cây, hay hót vào những ngày nắng), *tầm chim mo* (to bằng nắm tay nhưng rất béo vào tháng 9, 10). Trong đó, *tầm chim mo* là loại chim phổ biến, thường đi trên mặt đất từ giữa tháng 8 đến tháng 1 âm lịch và hay ăn quả của cây ba soi.

Kiến thức về các loại ong được người Pà Thên tích lũy từ lâu đời. Theo họ, sản phẩm ong có: ong non, mật hay nhựa ong. Các loại ong cho ong non gồm: ong làm tổ trên mặt đất (*tam màn nông tô*), ong làm tổ dưới đất (*tam ba chình*), *tam mà quậy* rất độc, *tam màn nông độc* và khôn, *tam màn go*, ong trên cây (*tam mà quậy xô pa*), ong vàng sống ở hốc cây rỗng (*tam mà quơ*), ong vàng sống dưới đất (*tam mà như quơ*), *tam mà nhể cư*. Loại ong cho mật ít hơn loại cho con non, chỉ có hai loại: ong ở tổ (*tam mà bê*) và ong ở trong hang đá (*tam mà đơ*) (hay còn gọi là ong khoái). Riêng ong khoái, họ chỉ thu nhựa của chúng (*dản dư*).

Tùy loại thú, người Pà Thên có cách săn và dùng loại bẫy phù hợp. Theo kích cỡ, có bẫy to, bẫy nhỏ. Bẫy to (*a phụ*) để bắt thú lớn nên phải có 10 người mới đặt được bẫy này, bẫy nhỏ (*a mông tơ*) chỉ bắt thú bé. Theo loại hình bẫy có: bẫy chông, bẫy vầu, bẫy sập... Bẫy chông (*a hự*) là loại bẫy có những cây vầu sắc nhọn bố trí ở dưới một cái hố đào sẵn để bắt lợn rừng, gấu, nai... Bẫy vầu, bẫy sập để bắt chim, chuột, gà rừng. Để bắt thú lớn, họ còn dùng súng bắn. Khi bắt được thú, họ mang về nhà làm lễ cúng rừng, rồi mổ thịt ăn chung.

- *Hái lượm*: Trước kia, người Pà Thên thu hái các sản vật rừng chỉ để sử dụng. Sau

năm 1996, thu nhập tiền mặt do bán các sản phẩm đó đã tăng lên bởi người Việt và người Trung Quốc hay đến mua. Ngoài gỗ, các sản vật rừng gồm các loại củ, quả, rau dại và nguyên liệu. Trong đó, củ có: củ nâu (*do thor*), củ mài, củ sâm, củ khúc khắc, cây mon (*ca vớ*)... Rau rừng có: thân và hoa chuối, ngọn cây mây, chè đồi, lõi cây cọ (*tơ pa mó lo*), ngọn cây *pé kạ da pố*, rau dớn (*vi đở*), *vi pa ke*, *vi mó qua*, mộc nhĩ (*gum biêu*), nấm hương mọc trên đất (*quợ à lê*), nấm hương mọc trên cây (*gù che*), măng nứa (*bế po nị*), măng vầu (*bế pô dinh*)... Đây là những loại rau dành cho người ăn là chủ yếu, nhưng vào chính vụ do có nhiều nên người dân dùng để chăn nuôi. Nguyên liệu có: lá dong (*kạ mo tông dệ*), lá chuối (để gói bánh nếp *gộ tạ*)... Hiện nay người Pà Thẻn tuy đã sử dụng những đồ đựng bằng nhựa mua ở chợ, nhưng những loại lá này vẫn được ưa dùng bởi sự tiện dụng, nhất là khi họ vào rừng và làm rẫy.

Hiện nay, nhiều sản vật rừng đã được người Pà Thẻn đem bán: cây cu li, củ sâm rừng, thiên niên kiện, củ khúc khắc, quả sê, măng... Thông thường, phụ nữ vào rừng hái các sản phẩm phi gỗ. Những sản phẩm là rau rừng thì họ tự mang về nhà, còn các loại cây, củ cho thu nhập tiền mặt nếu thu hái với khối lượng lớn, các ông chồng giúp vợ mang về. Hoạt động thu hái các sản vật phi gỗ diễn ra mạnh sau mùa thu hoạch (tháng 9 - 10 âm lịch hàng năm).

- *Đánh bắt thủy sản*: Ở vùng Pà Thẻn hiện nay cá vẫn khá dồi dào. Trong khi những người Pà Thẻn ở Tuyên Quang khai thác cá suối thì những người đồng tộc của họ ở Quang Bình tỉnh Hà Giang lại có cá sông. Về đánh bắt, đàn ông thường bắt cá to bằng cách dùng tay hoặc một số dụng cụ như lưới, chài... trong khi đàn cá nhỏ được phụ nữ

đánh bắt bằng rô hoặc lờ. Trước đây, cua suối rất phong phú, người Pà Thẻn không chỉ bắt chúng về ăn mà còn làm thức ăn chăn nuôi. Nguồn này hiện nay đã khan hiếm, chúng hầu như dùng làm thức ăn cho người. Chỉ khi lợn bị què, họ mới bắt cua cho lợn ăn để chúng mau khỏi bệnh.

2.5. Trao đổi mua bán và các nguồn thu nhập khác

- *Hệ thống chợ và các nguồn thông thương tại địa phương*: Từ khi thành lập huyện Quang Bình, người Pà Thẻn có nhiều cơ hội tiếp cận với thị trường. Ngay hai xã Tân Trịnh và Tân Bắc, nơi tập trung người Pà Thẻn có một chợ - vừa là nơi buôn bán, vừa là trung tâm văn hoá, tụ điểm gặp gỡ của dân địa phương. Hiện nay, trong các thôn bản Pà Thẻn đã hình thành nhóm người buôn bán nhỏ. Họ có hàng xén tại nhà và bán tạp hoá với quy mô nhỏ.

- *Các mặt hàng được trao đổi và mua bán*: Người Pà Thẻn bán một số nông sản (lúa, ngô...) và sản vật rừng (măng, chíp, củi, một số loại rau, mật ong, một số con vật hoang, cá...), tiền mặt thu được, họ thường tích trữ để đáp ứng những nhu cầu tiêu dùng trong gia đình, đầu tư sản xuất hoặc chi trả cho việc lớn. Ngoài ra, họ còn dùng một số nông sản, vật nuôi để trao đổi với người trong cộng đồng mỗi khi thiếu đói. Với cách này, họ cho nhau vay thóc gạo, lợn nếu nhà có việc lớn. Khi chủ nợ cần đến những thứ đó, người nợ mới hoàn lại dưới dạng vay con gì trả con nấy, vay thứ gì trả thứ đó. Như vậy, người Pà Thẻn vẫn còn dùng vật đổi vật khi họ giao dịch với người trong cộng đồng. Trong bối cảnh hiện nay, hình thức trao đổi này không phổ biến mà ngày càng nhường chỗ cho mua bán bằng tiền.

- Các nguồn thu nhập khác: Các nghề thủ công, nghề thuốc, cúng bái cũng đem lại thu nhập cho một nhóm người. Hiện tại tuy ít người Pà Thên biết cúng nhưng họ vẫn duy trì nghề cúng để đáp ứng các nhu cầu tín ngưỡng. Còn nghề thuốc, phụ nữ Pà Thên biết lấy thuốc nam nhiều hơn đàn ông. Chỉ thôn My Bắc, xã Tân Bắc (huyện Quang Bình) đã có khoảng 20 người thường xuyên đi lấy thuốc nam để chữa trị một số bệnh thông thường. Tuy nhiên, chỉ hai người (chiếm 10%) trong số đó là thầy lang chính thức và có thu nhập. Trong trường hợp này, người làm nghề y dân gian cũng đồng thời là người hành nghề cúng bái.

Hái chè, nhổ cỏ thuê cho nông trường chè cũng là việc phụ của một số người Pà Thên ở Quang Bình. Vào dịp nông nhàn, không ít thanh niên rủ nhau đi làm thuê, nên họ có nguồn thu nhỏ cho gia đình. Một số hộ Pà Thên nơi đây còn có thêm thu nhập, tuy không thường xuyên, từ việc nhuộm vải thuê cho những người khác tộc trong vùng. Điều đó làm cho màu chàm và những màu nhuộm từ nguyên liệu tự nhiên khác của họ có điều kiện tồn tại, nhất là trong cơ chế thị trường hiện nay, khi quần áo may sẵn, vải công nghiệp tràn ngập.

Từ năm 2004, thanh niên Pà Thên còn đi làm thuê cho xưởng đúc sắt ở Bình Dương. Lúc đầu chỉ 2 người đi theo 1 người Kinh, đến nay, xã Tân Bắc đã có 17 người Pà Thên theo nghề. Họ chỉ có mặt ở nhà dịp tết Nguyên đán, lương năm 2006 là 1,5 - 2 triệu đồng/người/tháng. Từ 2005, có 4 người Pà Thên ở xã này làm quặng tại Quang Bình đã gửi về cho gia đình 12 triệu đồng/người/năm 2006; từ 2006, có 3 người Pà Thên đã đi Malaysia lao động, 6 người khác vào miền Nam làm nghề sản xuất giày

dép. Mỗi người xuất khẩu lao động đã gửi tiền về cho gia đình là 22 triệu đồng/năm 2007. Những người đi miền Nam cũng đã gửi 4 triệu đồng/người/năm về cho gia đình họ. So với nghề nông, các nguồn thu này được coi là cao và đã cải thiện đáng kể đời sống của những người có con em đi làm ăn xa.

Ngoài ra, còn 2 hộ Pà Thên ở xã Tân Bắc làm nghề xay xát. Tuy công việc không thường xuyên và cũng không đem lại thu nhập cao nhưng đã phần nào cải thiện đời sống của những hộ có máy xát, tạo điều kiện cho họ tiếp cận với kinh tế thị trường.

3. Một số biến đổi trong hoạt động sinh kế

Giống như các tộc người ở miền núi, chỉ sau 20 năm Đổi mới đất nước, ở vùng người Pà Thên đã có những biến đổi vượt bậc về mọi mặt so với thời kỳ hợp tác hoá nông nghiệp, đặc biệt là so với thời kỳ họ còn du canh du cư. Sau Đại hội VI của Đảng ta, nhất là từ khi có Nghị quyết 22/BCT ngày 27/1/1989 của Bộ chính trị, việc phát triển kinh tế ở các dân tộc thiểu số bắt đầu chuyển biến nhanh. Chỉ sau 9 năm, từ khi có Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ, những biến đổi trong hoạt động sinh kế của người Pà Thên đã trở nên sâu rộng khắp các lĩnh vực, kể cả biến đổi về ý thức sản xuất.

Biến đổi mang tính cơ sở thúc đẩy sản xuất phát triển là việc mở mang hệ thống đường giao thông, kiên cố hoá kênh mương, điện lưới quốc gia được kéo đến tận thôn bản... Cho đến năm 2000 - 2003, đường sá ở các thôn bản Pà Thên đều đã được cải thiện hơn trước. Những thôn bản đông đúc dân Pà Thên đã có đường ô tô, những thôn thuộc vùng sâu của huyện Quang Bình như Nậm Bó (xã Yên Thành), Lồng Ly (xã Xuân

Minh), Khâu Làng (xã Tân Nam) cũng đã có đường dân sinh, xe máy đi lại được trong mùa khô. Về điện, đến năm 2005, tất cả các thôn bản tập trung đông người Pà Thên ở Quang Bình đã có điện lưới quốc gia.

Về sản xuất, tùy địa hình và đất đai từng thôn, hệ thống kênh mương tưới tiêu hiện nay đã được kiên cố hoá toàn bộ hoặc phần lớn, điển hình là ở các thôn My Bắc, Nậm Sú (xã Tân Bắc), Mã Thượng, Tả Ngảo (xã Tân Trịnh). Với hệ thống này, người Pà Thên đã làm 2 vụ lúa/năm, cho sản lượng lúa tăng gấp bội, thậm chí gấp ba lần so với thời kỳ trước năm 1990. Nếu như trước năm 1986 người Pà Thên ở hầu hết các thôn còn phát nương trồng lúa thì nay diện tích đất nương trồng lúa cạn đã chuyển thành nương ngô cao sản, sắn và nhiều loại hoa màu khác. Đây là bước biến đổi đột phá ở vùng người Pà Thên sau 20 năm Đổi mới đất nước, bởi đồng bào đã chuyển đổi từ canh tác lúa nương sang làm lúa nước 2 vụ/năm. Từ khi chuyển sang kinh tế hộ, gắn với thị trường, họ ngày càng quan tâm áp dụng các tiến bộ khoa học cho sản xuất như giống mới, phân hoá học, gieo mạ tại sân nhà, máy cày... Qua thực tế, những biến đổi từ việc tiếp thu, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến, người Pà Thên không chỉ có thu nhập ngày một cao hơn mà còn tăng hiệu quả lao động, tiết kiệm thời gian, công sức.

Dưới cơ chế mới, các gia đình Pà Thên tùy điều kiện đất đai, nhân lực mà phát triển một số cây trồng thành hàng hoá như cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lấy gỗ, măng... Từ năm 1990 đến nay, nhiều hộ có nguồn thu nhập đáng kể từ sự phát triển các cây này, góp phần nâng cao đời sống kinh tế, cải thiện điều kiện sinh hoạt như nâng cấp nhà ở, mua xe máy... Rõ ràng, về truyền thống, các loại cây ăn quả, chè, măng, gỗ... chỉ phục vụ nhu

cầu tiêu dùng của gia đình, nhưng hiện nay chúng ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế tại vùng người Pà Thên. Mặt khác, họ phát huy tập quán mở vốn có trong chăn nuôi trong việc quan tâm nuôi con giống như gà mái, lợn nái, trâu hay bò cái để phát triển đàn con, rồi nuôi chúng lớn để bán. Cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước về vốn, kỹ thuật... các gia đình Pà Thên càng có điều kiện nuôi nhiều lợn, trâu, bò để phát triển thành đàn, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Rất nhiều hộ nuôi tới 5 - 6 con giống cái vừa trâu vừa bò, chưa kể số lợn nái, khi cần tiền cho con đi học, mua sắm... họ luôn có sẵn vật nuôi để bán. Bên cạnh đó, do nơi họ cư trú thuận lợi nước suối, ao nên họ cũng đã phát triển đàn vịt, ngan, thả cá ao.

Như vậy, ngoài việc duy trì một số yếu tố truyền thống như chăn nuôi con giống, tự túc lương thực... người Pà Thên đã tiếp thu nhiều cái mới. Trong đó, nhiều yếu tố đột phá như chuyển đổi canh tác, dùng giống mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, nuôi cá ao... Những biến đổi này chắc chắn được xuất phát từ sự thay đổi căn bản về quan niệm, nhận thức của đồng bào, nhất là đổi mới tư duy sản xuất. Điều đó chứng tỏ công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng đã có những tác động tích cực đến tập quán hoạt động sinh kế của tộc người Pà Thên, và đây là tiền đề quan trọng tạo đà cho họ phát triển về mọi mặt trên cơ sở vẫn gìn giữ các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của tộc người.

Kết luận

Hoạt động sinh kế xưa kia của tộc người Pà Thên thể hiện qua các hình thức canh tác nương rẫy kết hợp chăn nuôi thả rông, khai thác các nguồn lợi tự nhiên tại nơi

cư trú. Qua bao đời gắn bó với rừng núi, người Pà Thên đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu cho trồng trọt trên đất dốc, từ các khâu chọn giống cây trồng, chọn đất làm nương... đến các quy trình canh tác, thu hoạch, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Tất cả các khâu hoạt động đó đều được họ thực hiện uyển chuyển đảm bảo vừa kịp thời vụ, vừa thích ứng với những diễn biến phức tạp của thời tiết ở địa phương. Đặc biệt, họ còn biết cải thiện thêm thu nhập từ việc chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhất là chú trọng chăn nuôi sinh sản để tăng thu nhập tiền mặt.

Hiện nay, do hiếm rừng và đất trồng trọt, người Pà Thên đã cơ bản làm ruộng nước. Với đức tính cần cù, họ đã nhanh chóng nắm bắt và áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất, làm cho năng suất cây trồng ngày càng được nâng cao. Bên cạnh đó, họ còn biết chú trọng khai thác các thế mạnh trong vùng như thu hái lâm thổ sản, khoanh nuôi rừng, trồng nhiều loại cây ăn quả, duy trì thủ công gia đình... từng bước tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá và tích cực tham gia vào các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp của nền kinh tế thị trường. Có thể nói, người Pà Thên đã từng bước và ngày càng phát huy khả năng tiếp cận và sử dụng các nguồn vốn¹, đặc biệt là vốn tự nhiên, vốn con người, vốn xã hội và vốn tài chính một cách hiệu quả trong việc làm đa dạng nguồn sống của mình nhằm cải thiện kinh tế hộ. Tuy nhiên, ở những nơi thuộc vùng sâu, cuộc sống của một bộ phận người dân vẫn còn khó khăn, cơ sở vật chất chưa được đảm bảo, đường giao thông đi lại tuy đã được cải thiện nhưng ở nhiều nơi vẫn còn tạm bợ nên đã hạn chế sự

chuyển đổi các hoạt động sinh kế. Đây là vấn đề cấp bách, đòi hỏi Nhà nước và chính quyền địa phương sớm có những giải pháp thiết thực hơn để giúp đỡ người Pà Thên.

Tài liệu tham khảo

1. Bonifacy, A. (1908), *Monographie des Pateng et des Na-ê*, Revue Indochinoise, Paris.
2. Trần Mạnh Cát (1975), “Dân tộc Pà Thên sau định canh định cư”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 68.
3. Phan Hữu Dật (1973), *Pà-Tên và mối quan hệ Mèo-Dao ở Việt Nam*, Thông báo khoa học sử học năm 1973, Tập IV, Đại học tổng hợp, Hà Nội.
4. DFID (1998), *Sustainable Rural Livelihoods*, Department for International Development.
5. Khổng Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Ninh Văn Hiệp (Chủ biên), PGS. TS. Khổng Diễn, Hoàng Tuấn Cư, Võ Mai Phương (2006), *Văn hoá phong tục người Pà Thên - Bảo tồn và phát huy*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
7. Tổng cục thống kê (2001), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
8. Nông Quốc Tuấn (Chủ biên), Đỗ Đức Lợi, Trần Văn Ái, Lục Văn Tư, Ngô Văn Hoè (2004), *Văn hoá truyền thống dân tộc Pà Thên*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
9. Nguyễn Khắc Tụng (1974), “Trang phục phụ nữ Pà Thên”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 71.
10. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹ Theo khung phân tích sinh kế bền vững của DFID (1998), 5 nguồn vốn cần thiết đối với sinh kế bền vững nông thôn gồm vốn tự nhiên, vốn xã hội, vốn con người, vốn tài chính và vốn vật chất.